



# 2023 CHAU-SHI Series Nan Pao Open

肇喜登峰巡迴賽-南寶公開賽

第一 & 二回合編組表

Grouping of Play for Rounds 1 & 2



地點：南寶高爾夫俱樂部  
NAN PAO GOLF CLUB

上午場 Morning Session

112 年 8 月 22 日 (星期二)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			
1	6:30	1	21	10:40	10	高嘉鴻	TWN	10	6:35	10	10:45	30	林張恆	TWN		
						吳致誼	TWN						劉澤森	TWN		
						蘇晉弘 A	TWN									
						余松柏	TWN						洪昭鑫	TWN		
						李尚融	TWN						林宸駒	TWN		
						陳暉泓	TWN						邱瀚霆	TWN		
						陳志宏	TWN						林義淵	TWN		
						呂文德52	TWN						陳鳴悒	TWN		
						林紹白 A	TWN						陳奕騫	TWN		
2	6:40	1	22	10:50	10	蘇彥璋	TWN	11	6:45	10	10:55	31	廖煥鈞	TWN		
						陳柏睿	TWN						高 藤	TWN		
						陳又勁 A	TWN						林楷傑 A	TWN		
3	6:50	1	23	11:00	10	張哲瑜	TWN	12	6:55	10	11:05	32	陳伯豪	TWN		
						林文堂	TWN						林耕緯	TWN		
						葉 甫	TWN						范姜皓詮	TWN		
4	7:00	1	24	11:10	10	陳威勝	TWN	13	7:05	10	11:15	33	彭弘瑾	TWN		
						沈威成	TWN						溫楨祥	TWN		
						劉巖鴻	TWN						許智凱	TWN		
5	7:10	1	25	11:20	10	林大鎬	TWN	14	7:15	10	11:25	34	葉昱辰	TWN		
						陳裔東	TWN						宋孟璋	TWN		
						方傳崑	TWN						陳科壹	TWN		
6	7:20	1	26	11:30	10	張簡克諺	TWN	15	7:25	10	11:35	35	楊浚頡	TWN		
						李謹州	TWN						汪德昌	TWN		
						陳宥蓁	TWN						蔡勁陽 A	TWN		
7	7:30	1	27	11:40	10	卓宗霖	TWN	16	7:35	10	11:45	36	劉永華	TWN		
						林遠惟	TWN						呂孫儀	TWN		
						楊 豪	TWN						洪瑞誠	TWN		
8	7:40	1	28	11:50	10			17	7:45	10	11:55	37	林晟毓	TWN		
															王宥崑	TWN
															柯亮宇 A	TWN
9	7:50	1	29	12:00	10			18	7:55	10	12:05	38				
								19	8:05	10	12:15	39				



# 2023 CHAU-SHI Series Nan Pao Open

## 肇喜登峰巡迴賽-南寶公開賽

### 第一 & 二回合編組表

### Grouping of Play for Rounds 1 & 2



地點：南寶高爾夫俱樂部

NAN PAO GOLF CLUB

下午場 Afternoon Session

112 年 8 月 22 日 (星期二)

第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	第一回合 ROUND 1			第二回合 ROUND 2			姓名 Name	國籍 Country	
組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			組別 Group	時間 Time	梯台 Tee	組別 Group	時間 Time	梯台 Tee			
30	10:45	1	11	6:35	10	賴嘉一	TWN	20	10:40	10	1	6:30	1	6:30	蔡啟煌	TWN
						王鈺祺	TWN								曾子軒	TWN
						許智傑	TWN								殷梓勛 A	TWN
31	10:55	1	12	6:45	10	賴韋綸	TWN	21	10:50	10	2	6:40	1	6:40	林永龍	TWN
						曾豐棟	TWN								蔣宸麟	TWN
						黃冠勳	TWN								蔡宗佑	TWN
32	11:05	1	13	6:55	10	李士鴻	TWN	22	11:00	10	3	6:50	1	6:50	連驪森	TWN
						范揚嘉	TWN								許孟男	TWN
						曾子豪	TWN								瀨下 裕太 A	JPN
33	11:15	1	14	7:05	10	鄭存宸	TWN	23	11:10	10	4	7:00	1	7:00	施俊宇	TWN
						蔡顯至	TWN								許育誠	TWN
						王璽安	TWN								張哲綸 A	TWN
34	11:25	1	15	7:15	10	陳傑生	TWN	24	11:20	10	5	7:10	1	7:10	洪駿剛	TWN
						黃韋豪	TWN								簡佑賢	USA
						蔡雨達	TWN								謝繼賢	TWN
35	11:35	A 區	16	7:25	B 區	何勁宏	TWN	25	11:30	B 區	6	7:20	A 區	7:20	張建棋	TWN
						辜柏雲	TWN								黃議增	TWN
						林冠伯	TWN								林 緯	TWN
36	11:45	A 區	17	7:35	B 區	王偉祥	TWN	26	11:40	B 區	7	7:30	A 區	7:30	翁永田	TWN
						呂偉智	TWN								盧建順	TWN
						劉又睿	TWN								伴 翔太郎	USA
37	11:55	A 區	18	7:45	B 區	沙比亞特·馬克	TWN	27	11:50	B 區	8	7:40	A 區	7:40	謝旻軒	TWN
						蔡凱任	TWN								何易叡	TWN
						謝東宏	TWN								胡宇棠 A	TWN
38	12:05	A 區	19	7:55	B 區	陳逸祐	TWN	28	12:00	B 區	9	7:50	A 區	7:50	王人立	TWN
						李啟宗	TWN								張宇誠	TWN
						李威廷 A	TWN								蘇清安	TWN
39	12:15	A 區	20	8:05	B 區	林為超	TWN	29	12:10	B 區	10	8:00	A 區	8:00	蕭和宇	TWN
						蔡辰錯	TWN								蘇文祥	TWN
						高隆睿 A	TWN								林鼎軒 A	TWN